

Số: 198/2024/QĐST-KDTM

Ba Đình, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 158/2024/TLST - KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ngày 16 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**. Địa chỉ trụ sở: Số H L, Phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị V1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, ông Đỗ Hoàng L và ông Đỗ Thành T theo Văn bản ủy quyền số 38a/2023/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Chí D. Ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H theo Văn bản ủy quyền số 279/2024/UQN-VPB ngày 27/9/2024.

* Bị đơn: **Công ty TNHH T2**. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0106191788 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 29/5/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05/11/2015. Trụ sở: Số B ngách F

ngõ H K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Phạm Thị Thanh H1- Giám đốc.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Phạm Thị Thanh H1**, sinh năm 1981. CCCD số: 031181009506 do Cục C về TTXH cấp ngày 30/3/2021. Đăng ký thường trú tại và cư trú: TSP số 2 phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ

Công ty TNHH T2 xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 18/10/2024 là **288.829.899** (*Hai trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi chín*) đồng, bao gồm: Nợ gốc: **252.046.091** (*Hai trăm năm mươi hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi một*) đồng; Nợ lãi: **36.709.906** (*Ba mươi sáu triệu, bảy trăm linh chín nghìn, chín trăm linh sáu*) đồng; Phạt chậm trả: **73.901** (*Bảy mươi ba nghìn, chín trăm linh một*) đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: 260522-4092374-01-SME ngày 27/5/2022.

2.2. Về phương án và lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

Công ty TNHH T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2024 là **288.829.899** (*Hai trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi chín*) đồng, bao gồm: Nợ gốc: **252.046.091** (*Hai trăm năm mươi hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi một*) đồng; Nợ lãi: **36.709.906** (*Ba mươi sáu triệu, bảy trăm linh chín nghìn, chín trăm linh sáu*) đồng; Phạt chậm trả: **73.901** (*Bảy mươi ba nghìn, chín trăm linh một*) đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: 260522-4092374-01-SME ngày 27/5/2022.

Lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

- Chậm nhất ngày 29/11/2024, Công ty TNHH T2 thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc: 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng;

- Chậm nhất ngày 30/12/2024, Công ty TNHH T2 thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc: 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng;

- Chậm nhất ngày 30/01/2025, Công ty TNHH T2 thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc: 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng;

- Chậm nhất ngày 28/02/2025, Công ty TNHH T2 thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền: Nợ gốc: 152.046.091 (*Một trăm năm mươi hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi một*) đồng; Nợ lãi: 36.709.906 (*Ba mươi sáu triệu, bảy trăm linh chín nghìn, chín trăm linh sáu*) đồng; Phạt chậm trả: 73.901 (*Bảy mươi ba nghìn, chín trăm linh một*) đồng và toàn bộ lãi và phạt phát sinh kể từ ngày 19/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ;

Kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2024, Công ty TNHH T2 phải tiếp tục chịu lãi, phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: 260522-4092374-01-SME ngày 27/5/2022.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong lộ trình trả nợ, nếu Công ty TNHH T2 không thực hiện đúng, không đầy đủ hoặc vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ theo như thỏa thuận trên, thì bà Phạm Thị Thanh H1 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH T2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: 260522-4092374-01-SME ngày 27/5/2022.

Trong trường hợp Công ty TNHH T2 và bà Phạm Thị Thanh H1 không trả hoặc trả không đủ nợ, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản của bà Phạm Thị Thanh H1 để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK ngày 27/5/2022.

3. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **7.220.747** (*Bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy*) đồng (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **7.500.000** (*Bảy triệu, năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0030675** ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Nhung